TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/DS-ST.
Ngày 30-8-2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Hiệp.

2. Bà Lâm Thị Loan Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ liên hệ: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2024 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 02/9/1976 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh ngày 26/6/1967 (vắng mặt).

3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1953 (vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày cho rằng vào ngày 12/12/2022 bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn S vay của bà 30.000.000 đồng và hứa cha mẹ bà H là ông Trần Văn T1, bà Huỳnh Thị L cầm cố đất bảo đảm khoản vay. Đến ngày 03/02/2023, bà H đưa ông T1 và bà L đến cầm cố phần đất 2.200m^2, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng với giá 60.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nên bà giao cho ông T1, bà L số tiền 30.000.000 đồng và số tiền 30.000.000 đồng giao cho vợ chồng bà H ngày 12/12/2022 là đủ 60.000.000 đồng. Thời hạn khi nào bà cần tiền thì bên ông T1, bà L, bà H và ông S có nghĩa vụ trả tiền. Sau đó ông T1, bà L, bà H và ông S không trả lãi và bà yêu cầu trả tiền vay thì họ cũng không trả. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T1, bà Huỳnh Thị L, bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn S trả số tiền 60.000.000 đồng, lãi của 02 khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày vay lần lượt là ngày 12/12/2022 và ngày 03/02/2023 theo lãi suất 1,66%/tháng đến khi thanh toán xong nợ. Khi khởi kiện có tạm tính lãi đến ngày 15/5/2024 là 16.185.000 đồng.

Đến ngày 27/8/2024, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T1 và bà L về số tiền 30.000.000 đồng ngày 03/02/2023. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông S và bà H.

Tại văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, lập ngày 29/8/2024 cho rằng bà H và ông S vay tiền của bà T có lập "Biên nhận mượn tiền" ngày 12/12/2022, khi Tòa án thụ lý giải quyết đã thông báo việc bà T khởi kiện cho bà H, ông S biết và họ không có ý phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bà H và ông S từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc các bị đơn ông S và bà H hoàn trả cho bà T số tiền vay 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử theo lãi suất 1,66%/tháng là 10.258.800 đồng.

- Các bị đơn bà Trần Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn S, ông Trần Văn T1 và bà Huỳnh Thị L vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T buộc bị đơn ông S và bà H liên đới trả cho nguyên đơn tiền vốn vay 30.000.000 đồng và lãi tính từ thời điểm vay

đến ngày xét xử là . Đối với yêu cầu khởi kiện đã rút thì đình chỉ xét xử theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà T là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự trên đảm bảo quyền lợi cho đương sự còn lại.

[2] Nguyên đơn bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T1 và bà Huỳnh Thị L về số tiền 30.000.000 đồng, ngày 23/02/2023 và lãi. Xét việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[3] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Mỹ H trả số tiền vay là 30.000.000 đồng, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà T giao nộp giấy Biên nhận mượn tiền ngày 12/12/2022, họ tên người mượn tiền là Trần Thị Mỹ H và chồng Nguyễn Văn S, số căn cước công dân, địa chỉ và số tiền giao nhận là 30.000.000 đồng. Khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thông báo cho bà H và ông S biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng các bị đơn không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó có cơ sở xác định, bà H và ông S vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến nay chưa thanh toán toàn bộ số tiền vay là sự thật. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà trang khởi kiện yêu cầu bị đơn ông S và bà H trả nợ tiền vay là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất cao so với quy định, khi khởi kiện bà T yêu cầu người vay trả tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Căn cứ thời gian cho vay để tính lãi, số tiền lãi nguyên đơn tính được 10.258.800 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 40.258.800 đồng (bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm đồng), gồm vốn vay 30.000.000 đồng và lãi 10.258.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 23/02/2023 và lãi.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn S phải chịu là 2.012.940 đồng (hai triệu, không trăm mười hai nghìn, chín trăm bốn mươi đồng). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.904.625 đồng theo biên lai thu số 0003993 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai